

Số : /TB-PGD&ĐT

Bát Xát, ngày tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả bài thi kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện lớp 6,7,8 năm học 2024-2025

Căn cứ Kế hoạch số 71/KH-PGD&ĐT ngày 18/9/2024 của phòng GD&ĐT Bát Xát về việc tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp THCS năm học 2024-2025, căn cứ kết quả của Hội đồng chấm thi, Phòng GD&ĐT thông báo điểm thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện lớp 6,7,8 năm học 2024-2025 (có danh sách kèm theo).

Phòng GD&ĐT yêu cầu:

- Các đơn vị trường học gửi văn bản thông báo điểm Kỳ thi chọn HSG cấp huyện lớp 6,7,8 năm học 2024-2025 đến thí sinh dự thi; Niêm yết và thông báo điểm thi để học sinh và cha mẹ học sinh biết; trường hợp có sai sót về các thông tin của thí sinh (như: họ, tên, hoặc tên đệm, ngày tháng năm sinh, trường,...); Tổng hợp và gửi công văn đề nghị chỉnh sửa về Phòng GD&ĐT (qua tổ chuyên môn THCS) chậm nhất ngày 05/4/2025.

- Đối với trường hợp thí sinh đề nghị phúc khảo, trước ngày 05/4/2025 các đơn vị gửi hồ sơ phúc khảo bản cứng (gồm: Đơn đề nghị phúc khảo bài thi của thí sinh, công văn đề nghị phúc khảo bài thi của đơn vị trường học có thí sinh phúc khảo, danh sách thí sinh đề nghị phúc khảo theo mẫu đăng ký dự thi) về Phòng GD&ĐT (qua tổ chuyên môn THCS). Lưu ý: Phòng GD&ĐT không tiếp nhận đơn phúc khảo của cá nhân học sinh.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bát Xát thông báo để các trường học có cấp học THCS trên địa bàn huyện và thí sinh tham gia dự thi được biết, thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các trường có cấp học THCS trực thuộc;
- Trường PTDTNT THCS&THPT Bát Xát;
- Trường THCS&THPT Bát Xát;
- Lãnh đạo phòng;
- Lưu: VT,THCS.

TRƯỞNG PHÒNG

Bùi Quỳnh Liên

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI
CẤP HUYỆN LỚP 6,7,8 NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo thông báo số /TB-PGD&ĐT ngày 4/2025 của phòng GD&ĐT)

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
I	Toán học 6					
1	T601	Phạm Thành	Long	23/01/2013	THCS Quang Kim	9.00
2	T602	Đỗ Bảo	An	16/03/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	17.75
3	T603	Vi Đức	Anh	20/11/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.00
4	T604	Lý Quỳnh	Anh	15/03/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.75
5	T605	Sào Suy	Bia	06/11/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	3.00
6	T606	Đào Hải	Bình	05/01/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	10.75
7	T607	Đặng Minh	Châu	22/03/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	4.75
8	T608	Tần Thành	Cương	09/10/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	3.75
9	T609	Lò Linh	Đan	03/09/2013	TH&THCS Bản Qua	11.75
10	T610	Vũ Linh	Đan	29/10/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	13.00
11	T611	Hà Hải	Đặng	02/01/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	14.25
12	T612	Nguyễn Thuỳ	Dung	29/05/2013	TH&THCS Bản Xèo	15.75
13	T613	Phàng Seo	Dũng	31/12/2013	PTDTBT THCS Dền Thàng	1.25
14	T614	Ngô Cam Trung	Dũng	24/08/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	13.75
15	T615	Bùi Hoàng Đình	Dũng	20/07/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	13.00
16	T616	Chảo Thị Thu	Giang	26/10/2013	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	4.00
17	T617	Hoàng Ngọc	Hân	12/12/2013	THCS Bản Vược	19.00
18	T618	Bùi Minh	Hằng	04/09/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	13.75
19	T619	Trần Thu	Hiền	01/02/2013	THCS Mường Vi	8.50
20	T620	Tần Thị	Hoa	25/04/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.25
21	T621	Phản Thị Hồng	Hoa	18/01/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.00

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
22	T622	Lý Quốc	Kiều	01/05/2013	PTDTBT TH&THCS Trung Lèng Hồ	2.00
23	T623	Hoàng Ngọc	Lan	01/02/2013	THCS Quang Kim	15.00
24	T624	Lò Thị Phương	Linh	08/10/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.75
25	T625	Vàng Thị	Ly	06/01/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.00
26	T626	Lê Vũ Thanh	Mai	22/10/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	11.00
27	T627	Bùi Tuệ	Minh	02/10/2013	THCS Quang Kim	13.00
28	T628	Nguyễn Bình	Minh	08/03/2013	TH&THCS Bản Qua	8.50
29	T629	Bùi Lương Hà	My	25/04/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	17.25
30	T630	Trang Thị	Mỹ	21/06/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.25
31	T631	Nguyễn Bảo	Nam	17/01/2013	TH&THCS Bản Qua	6.75
32	T632	Hứa Hào	Ngân	02/01/2013	THCS Bản Vược	8.00
33	T633	Nguyễn Thị Kim	Ngân	03/11/2013	THCS Bản Vược	9.50
34	T634	Kim Bảo	Nguyên	27/01/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.00
35	T635	Nguyễn Lan	Nhi	03/01/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	10.75
36	T636	Lê Minh	Phong	02/12/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	11.75
37	T637	Tần San	Phúc	20/02/2013	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	9.50
38	T638	Trần Minh	Quân	16/01/2013	TH&THCS Bản Xèo	12.00
39	T639	Chảo Văn	Quyền	22/07/2013	PTDTBTTH&THCS Tòng Sành	2.00
40	T640	Phạm Thanh	Tâm	27/07/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6.25
41	T641	Hoàng Phương	Thùy	28/12/2013	THCS Bản Vược	16.00
42	T642	Giàng A	Tĩnh	19/02/2013	PTDTBT TH&THCS Trung Lèng Hồ	2.75

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
43	T643	Lê Đăng Xuân	Trường	13/04/2013	THCS Quang Kim	12.50
44	T644	Nguyễn Đức	Tuân	10/05/2013	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	2.50
45	T645	Tráng Thị	Xế	05/07/2013	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	6.50
II	Ngũ văn 6					
1	NV601	Lý Kim	Anh	23/01/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.00
2	NV602	Vàng Vân	Anh	05/06/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.50
3	NV603	Nguyễn Ngọc	Ánh	06/05/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	12.75
4	NV604	Lý Nguyệt	Ánh	12/10/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6.25
5	NV605	Phà Hờ	Bia	24/02/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	10.25
6	NV606	Nguyễn Ngọc	Diệp	20/07/2013	PTDTBT THCS Y Tý	6.50
7	NV607	Tráng Thị	Dinh	16/05/2013	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	5.00
8	NV608	Nguyễn Thị Minh	Doan	10/11/2013	TH&THCS Bản Qua	9.50
9	NV609	Vừ Thị	Dua	18/03/2013	PTDTBT THCS Pa Cheo	5.50
10	NV610	Thào Thị	Dừa	23/08/2013	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	8.00
11	NV611	Trần Tiến	Dũng	30/09/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	6.75
12	NV612	Phùng Ngọc	Dương	01/01/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	9.50
13	NV613	Bùi Bảo	Hà	01/05/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	13.00
14	NV614	Hù Thị Thu	Hạ	05/05/2013	TH&THCS Bản Qua	8.00
15	NV615	Trần Thị Bảo	Hân	02/01/2013	TH&THCS Bản Xèo	9.00
16	NV616	Đinh Gia	Hân	28/09/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	13.75
17	NV617	Chảo Mai	Hương	25/11/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.50

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
18	NV618	Nguyễn Thanh	Huyền	15/11/2013	THCS Quang Kim	8.25
19	NV619	Lý Thị	Lan	30/10/2013	TH&THCS Bản Xèo	9.75
20	NV620	Hoàng Thu	Lệ	05/09/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỹ	4.75
21	NV621	Chu Thị Quang	Liêm	02/10/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6.50
22	NV622	Chảo Mẫy	Linh	26/06/2013	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	7.00
23	NV623	Chảo Thị Kim	Loan	15/03/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	7.00
24	NV624	Nguyễn Thị Trúc	Ly	18/02/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	12.50
25	NV625	Hà Minh	Minh	30/06/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỹ	11.50
26	NV626	Phan Hải	Nam	17/10/2013	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	5.00
27	NV627	Bùi Bích	Ngọc	13/07/2013	THCS Bản Vược	8.25
28	NV628	Chu Thảo	Nguyên	11/08/2013	THCS Quang Kim	8.50
29	NV629	Tao Ánh	Nguyệt	22/12/2013	TH&THCS Bản Xèo	12.00
30	NV630	Vương Đình Tâm	Như	22/08/2013	THCS Bản Vược	10.50
31	NV631	Vàng Triệu Yến	Oanh	17/03/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	10.50
32	NV632	Lù Thị	Phánh	09/03/2013	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	6.00
33	NV633	Có Giờ	Phe	28/11/2013	PTDTBT THCS Y Tý	5.00
34	NV634	Châu Thị	Phi	15/04/2013	PTDTBT THCS Pa Cheo	5.50
35	NV635	Lê Minh	Phương	27/01/2013	THCS Quang Kim	8.00
36	NV636	Vừ Mai	Phương	17/02/2013	PTDTBT TH&THCS Trung Lèng Hồ	6.50
37	NV637	Trần Thu	Quỳnh	05/07/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	14.75
38	NV638	Cồ Vũ Khải	Tâm	11/01/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	13.50
39	NV639	Phùng Thanh	Tâm	01/07/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	9.50

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
40	NV640	Trần Thu	Thảo	03/06/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	15.00
41	NV641	Trang Thị Minh	Thư	11/08/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	10.75
42	NV642	Nông Bảo	Trân	23/03/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.50
43	NV643	Lương Hà	Trang	01/09/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	11.75
44	NV644	Thào Thị Thùy	Trăng	08/01/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	12.00
45	NV645	Sần Xe	Trụ	01/01/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	9.50
46	NV646	Lò Thị Thanh	Tuyền	30/09/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.00
47	NV647	Lò Thị Thanh	Vân	08/01/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.50
48	NV648	Lý Thị	Vinh	26/11/2013	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	4.50
49	NV649	Sùng Thị	Vua	07/06/2013	PTDTBT THCS Dền Thàng	4.25
50	NV650	Nguyễn Yên	Vy	06/08/2013	THCS Quang Kim	8.00
51	NV651	Lù Hải	Yến	02/07/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.00
III	Tiếng Anh 6					
1	TA601	Lý Bảo	Ân	07/12/2013	THCS Bản Vược	3.60
2	TA602	Đỗ Quốc	Bảo	25/12/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	14.60
3	TA603	Nông Ngọc	Doanh	05/09/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	13.80
4	TA604	Tạ Hoàng Anh	Đức	07/12/2013	THCS Bản Vược	8.00
5	TA605	Sùng Thị	Hà	10/06/2013	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	13.90
6	TA606	Trần Gia	Hưng	30/07/2013	THCS Bản Vược	5.10
7	TA607	Phạm Thị Lan	Hương	28/01/2013	THCS Bản Vược	3.90
8	TA608	Trần Gia	Huy	27/01/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	14.30
9	TA609	Trần Thị Kim	Kiều	20/03/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	14.70

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
10	TA610	Phùng Ngô Trí	Lâm	30/10/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	8.70
11	TA611	Hoàng Ngọc	Linh	25/08/2013	TH&THCS Bản Qua	10.30
12	TA612	Nguyễn Quốc	Long	18/07/2013	THCS Quang Kim	13.30
13	TA613	Đặng Nguyễn Nhật	Minh	04/09/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	12.50
14	TA614	Tráng Thị	Na	16/12/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	12.40
15	TA615	Tần Thị Khánh	Ngân	18/10/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỷ	14.20
16	TA616	Trần Quang	Nghĩa	08/05/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	15.70
17	TA617	Phạm Bảo	Ngọc	20/10/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	12.80
18	TA618	Nguyễn Ánh	Nguyệt	07/05/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	10.80
19	TA619	Lâu Thị	Nươi	09/08/2013	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	11.30
20	TA620	Nông Văn Chấn	Phong	06/07/2013	TH&THCS Bản Xèo	10.50
21	TA621	Cần Đình	Phong	19/02/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	13.20
22	TA622	Nguyễn Hữu	Sang	20/12/2013	THCS Bản Vược	3.60
23	TA623	Hoàng Minh	Tân	27/10/2013	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.40
24	TA624	Lò Thị	Thùy	05/08/2013	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	3.50
25	TA625	Thào Thị Huyền	Trang	12/01/2013	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	13.30
26	TA626	Vũ An	Tường	22/10/2013	THCS Quang Kim	12.70
27	TA627	Tráng Thị Mai	Xua	30/05/2013	PTDTBT THCS Dền Thàng	12.60
IV	Tiếng Trung Quốc 6					
1	TQ601	Hoàng Quỳnh	Anh	11/11/2013	THCS Quang Kim	16.45
2	TQ602	Vàng Thị	Dua	14/11/2013	PTDTBT THCS Y Tý	11.60
3	TQ603	Lý Thị	Dùa	26/07/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	13.70

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
4	TQ604	Ly Che	Gơ	14/01/2013	PTDTBT THCS Y Tý	13.45
5	TQ605	Ly Xá	Gơ	22/04/2013	PTDTBT THCS Y Tý	14.85
6	TQ606	Ly Thó	Gơ	24/03/2013	PTDTBT THCS Y Tý	13.15
7	TQ607	Tạ Thị	Huệ	13/01/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	15.80
8	TQ608	Lý Thu	Hương	01/06/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	13.00
9	TQ609	Lò Thị Diệu	Linh	01/04/2013	THCS Quang Kim	10.60
10	TQ610	Đỗ Thùy	Linh	04/11/2013	THCS Quang Kim	14.00
11	TQ611	Chảo Lở	Mây	28/09/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	14.45
12	TQ612	Hoàng Thảo	Nguyên	14/11/2013	THCS Quang Kim	13.90
13	TQ613	Sần Thu	Thảo	30/10/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	11.60
14	TQ614	Sùng Thuỷ	Tiên	08/06/2013	PTDTBT THCS Trịnh Tường	14.65
15	TQ615	Lý Hải	Yến	16/12/2013	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	11.00
V	Toán học 7					
1	T701	Lù Đức	An	23/03/2012	THCS&THPT huyện Bát Xát	2.75
2	T702	Tần Tiến	Anh	13/01/2012	TH&THCS Tả Ngảo	10.25
3	T703	Hoàng Chí	Bảo	31/10/2012	THCS Quang Kim	16.00
4	T704	Lý Văn	Cường	15/01/2012	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	3.50
5	T705	Nguyễn Vũ Hải	Đăng	30/06/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	3.00
6	T706	Hạng Thị	Giấy	08/01/2012	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	9.00
7	T707	Nguyễn Thanh	Hà	19/08/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	17.50
8	T708	Phàng Thị	Hoa	15/03/2012	PDTBT THCS Dền Thàng	2.50
9	T709	Đoàn Nhất	Huy	18/11/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	10.50
10	T710	Sùng Quang	Huy	22/03/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.00
11	T711	Đỗ Trần Thị Thu	Huyền	14/02/2012	THCS Mường Vi	9.50

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
12	T712	Sùng A	Khứ	16/07/2012	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	2.50
13	T713	Tần Ngọc	Lan	27/10/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Pung	1.00
14	T714	Vùi Lưu Hà	Linh	11/06/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.25
15	T715	Sùng A	Linh	25/04/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.50
16	T716	Đoàn Hà	Long	23/06/2012	TH&THCS Bản Qua	12.25
17	T717	Hạng Thị	Ly	28/03/2012	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	11.00
18	T718	Lại Quang	Mạnh	17/02/2012	THCS&THPT huyện Bát Xát	2.00
19	T719	Nguyễn Đức	Mạnh	20/07/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	13.00
20	T720	Tần Tả	Mẫy	14/01/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Pung	Bỏ thi
21	T721	Bùi Minh	Nguyệt	20/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	18.00
22	T722	Nguyễn Yên	Nhi	27/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	13.25
23	T723	Phạm Xuân	Phong	06/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	15.75
24	T724	Chảo Thi	Phương	18/12/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	3.50
25	T725	Nguyễn Minh	Quân	11/06/2012	THCS&THPT huyện Bát Xát	3.00
26	T726	Trần Anh	Quân	27/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	8.25
27	T727	Giàng Thị	Sẩy	01/01/2012	PDTBT THCS Dền Thàng	1.50
28	T728	Hoàng Trọng	Tấn	07/01/2012	THCS Bản Vược	4.75
29	T729	Đinh Xuân	Thành	27/05/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	15.50
30	T730	Lý Kim	Thảo	11/08/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	1.25
31	T731	Lý Văn	Thiên	26/10/2012	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	14.25
32	T732	Tần Xuân	Thu	28/01/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.50
33	T733	Vàng Kiều	Trang	22/10/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6.50
34	T734	Sùng A	Tủa	09/10/2010	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	0.50
35	T735	Vàng Thảo	Uyên	06/08/2012	THCS Quang Kim	8.25

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
36	T736	Vàng Thị	Vui	03/04/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	2.75
37	T737	Hoàng Gia	Vỹ	30/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	7.50
38	T738	Lý Thị Ngân	Xuyến	30/10/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	9.25
39	T739	Đỗ Ngọc Hải	Yến	15/09/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	3.75
VI	Ngữ văn 7					
1	NV701	Lý Thị Vân	Anh	01/04/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	10.50
2	NV702	Sần Mờ	Be	02/03/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Pung	6.50
3	NV703	Sùng Thị	Chừ	01/12/2012	PTDTBT TH&THCS Trung Lèng Hồ	6.50
4	NV704	Hồ Bích	Diễm	09/11/2012	TH&THCS Bản Qua	11.50
5	NV705	Vừi Thị	Dung	21/02/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	10.00
6	NV706	Phạm Thị Tiền	Giang	16/06/2012	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	10.00
7	NV707	Trần Băng	Giang	11/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	12.75
8	NV708	Đàm Thị	Hân	23/01/2012	TH&THCS Bản Qua	11.75
9	NV709	Đặng Thu	Hoài	13/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	11.25
10	NV710	Sùng Thị	Hương	26/01/2012	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	6.00
11	NV711	Vũ Liên	Hương	26/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	11.25
12	NV712	Lý Thị Thu	Huyền	26/06/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.00
13	NV713	Hầu Thị	Lân	07/08/2012	PTDTBT THCS Pa Cheo	8.25
14	NV714	Lý Khánh	Linh	19/04/2012	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	7.25
15	NV715	Tần Thị	Linh	11/21/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.25
16	NV716	Lý Khánh	Ly	08/05/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	12.50
17	NV717	Chảo Hồng	Mai	02/04/2012	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	7.75

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
18	NV718	Tần Tả	Mẫy	25/05/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	6.00
19	NV719	Tần Tả	Mẫy	19/04/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.00
20	NV720	Trần Vũ Phương	Ngân	12/03/2012	THCS Bản Vược	10.00
21	NV721	Nguyễn Hà	Ngân	25/09/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	15.75
22	NV722	Từ Kim	Ngọc	10/10/2012	THCS Quang Kim	9.00
23	NV724	Nguyễn Thảo	Nguyên	10/06/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	14.50
24	NV725	Thào Thị	Nhè	26/03/2012	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	5.75
25	NV726	Chảo Thị Lan	Nhi	18/06/2012	TH&THCS Bản Xèo	14.50
26	NV727	Sùng Thị	Nhi	18/08/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	5.50
27	NV728	Hoàng Ngọc	Oanh	22/10/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.00
28	NV729	Vừ Thị Thu	Phương	09/06/2012	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	5.50
29	NV730	Tần Thị	Phượng	20/09/2012	PTDTBT THCS Y Tý	7.25
30	NV731	Tần Mẫy	Quỳnh	24/04/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	10.50
31	NV732	Sí San	San	24/05/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	14.25
32	NV733	Sùng Thị	Sinh	28/07/2012	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	10.50
33	NV734	Tần Láo	Tả	29/02/2012	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	6.50
34	NV735	Thào Thúy	Thanh	06/01/2012	PTDTBT TH&THCS Trung Lèng Hồ	7.50
35	NV736	Hoàng Thị	Thảo	31/03/2012	TH&THCS Bản Xèo	13.50
36	NV737	Sùng Thị	Thi	16/11/2012	PTDTBT THCS Pa Cheo	8.00
37	NV738	Lý Thi	Thường	25/10/2012	PTDTBT THCS Pa Cheo	9.00
38	NV739	Nguyễn Thị Minh	Thuy	08/03/2012	TH&THCS Bản Xèo	13.50

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
39	NV740	Nguyễn Thanh	Thủy	14/08/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	15.00
40	NV741	Tần Thị	Thủy	21/01/2012	PTDTBT THCS Y Tý	5.25
41	NV742	Hà Khánh	Thy	16/07/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.00
42	NV743	Lò Bảo	Trâm	03/05/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	12.00
43	NV744	Vàng Huyền	Trang	15/08/2012	THCS&THPT huyện Bát Xát	6.00
44	NV745	Vùi Phương	Vy	12/06/2012	THCS Quang Kim	7.75
45	NV746	Hoàng Phương	Vy	10/06/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	8.50
46	NV747	Hoàng Phương	Vy	12/09/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	12.00
VII	Tiếng Anh 7					
1	TA701	Nguyễn Bảo Trúc	Anh	17/09/2012	THCS Quang Kim	11.80
2	TA702	Lò Trần Lan	Anh	28/08/2012	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỷ	11.40
3	TA703	Nguyễn Vũ Minh	Châu	11/10/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	17.60
4	TA704	Chảo Thị Bảo	Châu	03/10/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.70
5	TA705	Lò Mẫy	Chiệp	07/06/2012	PTDTBTTH&THCS Tòng Sành	6.80
6	TA706	Thào Thị	Đề	22/09/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	11.20
7	TA707	La Hoàng	Diệp	28/03/2012	THCS Quang Kim	15.00
8	TA708	Lý Văn	Đức	07/02/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.20
9	TA709	Lù Văn	Dũng	06/05/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	13.80
10	TA710	Nguyễn Trường	Giang	29/02/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	12.10
11	TA711	Nguyễn Long	Hải	09/04//2012	THCS Quang Kim	10.10
12	TA712	Lê Thành	Hưng	14/01/2012	THCS Quang Kim	14.90

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
13	TA713	La Ngọc	Linh	24/10/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	18.00
14	TA714	Phang Bảo	Long	27/03/2012	TH&THCS Bản Qua	9.20
15	TA715	Trần Khánh	Ly	31/10/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	6.70
16	TA716	Tần Xuân	Mai	17/02/2012	TH&THCS Tả Ngảo	12.80
17	TA717	Phang Ngọc	Mai	17/11/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	9.55
18	TA718	Trần Nhật	Minh	29/08/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	14.20
19	TA719	Đỗ Hà Nhật	Minh	12/12/2012	THCS Quang Kim	10.10
20	TA720	Mai Hoàng	Minh	13/02/2012	TH&THCS Bản Qua	16.90
21	TA721	Trần Hà	My	08/02/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	13.60
22	TA722	Tần Bảo	Ngọc	07/12/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	13.50
23	TA723	Trần Bảo	Nguyên	22/04/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.40
24	TA724	Cồ Minh	Nguyệt	24/07/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	10.80
25	TA725	Phạm Yến	Nhi	17/05/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	10.60
26	TA726	Tô Hà	Thu	08/06/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	12.70
27	TA727	Nguyễn Thuỷ	Tiên	14/08/2012	THCS Bản Vược	3.90
28	TA728	Trịnh Thị Thanh	Trúc	27/08/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	13.20
29	TA729	Nguyễn Nhật	Vi	05/12/2012	THCS Quang Kim	10.65
30	TA730	Lý Nhật	Việt	01/11/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	6.30
31	TA731	Đinh Thiên	Vũ	23/10/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	17.80
32	TA732	Phan Tường	Vy	11/07//2012	THCS Quang Kim	9.20
33	TA733	Thào Thị	Xua	01/08/2012	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	4.50
34	TA734	Vi Thị Hải	Yến	22/08/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.40
VIII	Tiếng Trung Quốc 7					

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
1	TQ701	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	27/02//2012	THCS Quang Kim	13.15
2	TQ702	Đặng Thị Kim	Chi	05/07/2012	THCS Quang Kim	7.45
3	TQ703	Sào Mờ	De	03/01/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	11.45
4	TQ704	Có Xá	Gơ	30/06/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	8.00
5	TQ705	Sò Xe	Gụ	21/01/2012	PTDTBT THCS Y Tỷ	10.45
6	TQ706	Tần Thuý	Hà	22/07/2012	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỹ	12.60
7	TQ707	Vù Thị	Khu	30/04/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	10.95
8	TQ708	Liềng Thị Ngọc	Kiều	31/05//2012	THCS Quang Kim	7.15
9	TQ709	Châu Thị Diễm	Kiều	20/02/2012	THCS Quang Kim	5.50
10	TQ710	Phan Nguyễn Khánh	Linh	25/09/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	14.60
11	TQ711	Tần Ánh Tuyết	Ngọc	26/02/2012	THCS Bản Vược	6.65
12	TQ712	Phản Bảo	Nhân	01/08/2012	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỹ	12.20
13	TQ713	Ngô Yên	Nhi	11/08/2012	THCS Quang Kim	13.65
14	TQ714	Vàng Thị Kim	Oanh	02/05/2012	THCS Quang Kim	9.95
15	TQ715	Lý Thị	Suốc	06/09/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	13.90
16	TQ716	Trần Hoa	Trang	26/06/2009	TH&THCS Bản Qua	18.00
17	TQ717	Vàng Thị	Váng	15/06/2012	PTDTBT THCS Y Tỷ	13.55
18	TQ718	Lý Tường	Vy	19/07/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	12.55
19	TQ719	Sần Xuy	Xơ	28/02/2012	PTDTBT THCS Y Tỷ	16.10

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
20	TQ720	Phu Xá	Xơ	12/01/2012	PTDTBT THCS Y Tý	13.40
IX	Toán học 8					
1	T801	Phàn Thành	An	16/10/2008	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	8.75
2	T802	Nguyễn Hà	Anh	02/01/2011	THCS Quang Kim	11.00
3	T803	Phan Đức	Anh	08/11/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	12.75
4	T804	Hoàng Gia	Bảo	02/08/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.75
5	T805	Phùng Anh	Đức	18/05/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	9.75
6	T806	Vũ Thúy	Hạnh	18/04/2011	TH&THCS Bản Xèo	11.25
7	T807	Sùng Thiên	Hạnh	21/01/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	3.50
8	T808	Trần Anh	Khoa	14/12/2011	THCS Quang Kim	15.50
9	T809	Vũ Diệp	Linh	18/06/2011	THCS Quang Kim	13.00
10	T810	Giàng Thị	Mác	08/11/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	3.00
11	T811	Nguyễn Thị Thuỳ	Mai	07/06/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	13.75
12	T812	Sùng Thị	Pà	26/07/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.75
13	T813	Vàng Khé	Phuong	07/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.75
14	T814	Đặng Thị Ngọc	Thanh	10/07/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	11.00
15	T815	Hà Út	Thương	01/11/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	4.25
16	T816	Nguyễn Thu	Thùy	05/08/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	4.25
17	T817	Lý Minh	Tuấn	28/05/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	11.75
18	T818	Lê Minh	Vũ	22/02/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	10.25
X	Ngữ văn 8					
1	NV801	Nguyễn Khánh	An	24/10/2011	THCS Thị trấn Bát Xá	10.75

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
2	NV802	Trần Quỳnh	Chi	11/12/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.50
3	NV803	Giàng Thị	Cô	13/11/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	10.25
4	NV804	Nguyễn Ngọc	Diệp	14/02/2011	THCS Bản Vược	5.00
5	NV805	Lý Thị	Dính	08/09/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	4.25
6	NV806	Hầu Thị	Doa	03/09/2011	PTDTBT THCS Y Tý	8.25
7	NV807	Liềng Trí	Hân	02/11/2011	THCS Mường Vi	12.50
8	NV808	Hoàng Ngọc	Hân	01/08/2011	TH&THCS Bản Qua	8.00
9	NV809	Phản Thị Minh	Hằng	10/12/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	7.25
10	NV810	Thào Mỹ	Hạnh	10/04/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	9.00
11	NV811	Trần Thu	Hiền	25/12/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	7.75
12	NV812	Sùng Thị	Hoa	09/12/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	10.00
13	NV813	Giàng Thị	Huyền	11/07/2011	TH&THCS Bản Xèo	11.00
14	NV814	Phạm Ngọc	Liên	17/03/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	6.00
15	NV815	Vàng Thuỳ	Linh	18/01/2011	TH&THCS Bản Xèo	11.00
16	NV816	Bạch Thùy	Linh	25/01/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.50
17	NV817	Phản Thị	Linh	21/06/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	10.25
18	NV818	Phản Thị Khánh	Ly	21/01/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	11.50
19	NV819	Nguyễn Thanh	Mai	23/08/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	11.75
20	NV820	Lý Thị	Mỹ	24/10/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	5.00
21	NV821	Trần Bảo	Ngọc	12/07/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.25

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
22	NV822	Ly Thảo	Nguyên	13/11/2011	PTDTBT THCS Y Tý	12.00
23	NV823	Ly Thị Như	Nguyệt	23/02/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	12.00
24	NV824	Nguyễn Lan	Nhi	02/05/2011	THCS Bản Vược	10.00
25	NV825	Phu Gớ	Phơ	05/05/2011	PTDTBT THCS Y Tý	8.75
26	NV826	Tô Hà	Phuong	11/03/2011	THCS Quang Kim	10.25
27	NV827	Lê Hoàng Minh	Phuong	08/02/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.75
28	NV828	Sùng Thị	Say	05/08/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	8.75
29	NV829	Phà Tra	Sợ	18/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	13.00
30	NV830	Lý Thị	Súng	17/07/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.25
31	NV831	Đồng Thủy	Trâm	13/05/2011	THCS Mường Vi	11.25
32	NV832	Lý Thị Huyền	Trang	04/10/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	9.25
33	NV833	Tần Thị Kiều	Trang	06/04/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	8.00
34	NV834	Ly Xá	Trụ	10/07/2011	PTDTBT THCS Y Tý	11.50
35	NV835	Vàng Thị	Tuyết	22/09/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.25
36	NV836	Phàn Lý Tường	Vy	24/02/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.00
XI	Khoa học tự nhiên 1 (Vật lí 8)					
1	VL801	Sùng Thị	Bảy	05/09/2012	PTDTBT THCS Y Tý	6.50
2	VL802	Thào Xuân	Bình	10/02/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.50
3	VL803	Vàng Việt	Hoàng	31/10/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	13.50
4	VL804	Má A	Hùng	23/02/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.50
5	VL805	Nguyễn Thanh	Lâm	10/04/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	14.00

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
6	VL806	Phàng Thị	Lì	03/03/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	15.00
7	VL807	Vũ Đức	Lợi	03/01/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.25
8	VL808	Chu Xá	Phơ	05/08/2012	PTDTBT THCS Y Tý	4.25
9	VL809	Nguyễn Thiện	Phong	01/06/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.25
10	VL810	Chảo Láo	Tả	20/03/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	8.50
11	VL811	Phàn Quyết	Thắng	17/01/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	5.00
12	VL812	Trần Đức	Thoại	23/04/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	14.00
13	VL813	Trần Công	Trạng	14/11/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.75
14	VL814	Tần Thị	Yến	14/10/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	14.00
XII	Khoa học tự nhiên 2 (Hoá học 8)					
1	H801	Lầu Thị	Bích	27/10/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.75
2	H802	Sùng A	Cánh	24/05/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	7.00
3	H803	Sùng Thị	Chấu	06/02/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	14.00
4	H804	Vừ Thị	Dệnh	30/07/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	8.00
5	H805	Liềng Việt	Đức	06/01/2011	THCS Quang Kim	9.25
6	H806	Thào A	Dương	08/04/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	4.75
7	H807	Hoàng Thu	Hà	23/07/2011	PTDTBT THCS Y Tý	4.00
8	H808	Sùng A	Hải	16/06/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.75
9	H809	Lê Quang	Huy	20/09/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	16.50
10	H810	Phạm Duy	Khánh	02/02/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	12.25
11	H811	Nguyễn Chí	Kiên	11/07/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	13.75
12	H812	Lưu Tuệ	Lâm	26/01/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	14.50
13	H813	Tạ Thu	Lê	19/01/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	15.75

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
14	H814	Vừ A	Linh	17/05/2011	PTDTBT THCS Dền Thành	13.75
15	H815	Nguyễn Nhật	Minh	23/01/2011	THCS Bản Vược	8.25
16	H816	Phạm Trường	Nguyên	15/11/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	17.50
17	H817	Nguyễn Minh	Nguyệt	27/11/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	11.25
18	H818	Trần Thị Yến	Nhi	09/12/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	14.25
19	H819	Lý Thị	Nhung	05/02/2012	PTDTBT THCS Pa Cheo	5.25
20	H820	Sùng Thị	Pà	26/09/2011	PTDTBT THCS Y Tý	4.00
21	H821	Vù Thị	Sinh	17/09/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	13.75
22	H822	Vàng Phương	Thảo	15/09/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	16.50
23	H823	Nguyễn Thị Hoài	Thương	24/10/2011	THCS Quang Kim	12.75
24	H824	Sùng A	Tre	22/09/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	10.25
25	H825	Hầu A	Tri	17/09/2010	PTDTBT THCS Y Tý	3.00
26	H826	Lý A	Tủa	04/03/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	4.50
27	H827	Sùng A	Tỷ	09/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.25
28	H828	Vàng Thị	Vúi	15/09/2012	PTDTBT THCS Pa Cheo	3.75
29	H829	Hầu A	Xí	28/02/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	11.50
30	H830	Phu Mì	Xơ	13/04/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.25
XIII	Khoa học tự nhiên 3 (Sinh học 8)					
1	SH801	Vàng Thị Kim	Đông	31/08/2011	THCS Quang Kim	7.50
2	SH802	Vàng Thị Thảo	Ly	30/06/2011	THCS Quang Kim	7.00
3	SH803	Giàng Thị Phương	Anh	29/10/2011	PTDTBT THCS Dền Thành	9.75
4	SH804	Hoàng Ngọc	Anh	04/03/2011	THCS Bản Vược	11.25
5	SH805	Sò Mờ	Cà	26/11/2011	PTDTBT THCS Y Tý	7.25

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
6	SH806	Lý Thị	Chênh	02/11/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	10.00
7	SH807	Phàng Thị	Chur	01/01/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	9.75
8	SH808	Giàng Thị	Dì	05/11/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	4.25
9	SH809	Thào Thị	Diễn	11/02/2011	PTDTBT TH&THCS Trung Lèng Hồ	4.50
10	SH810	Vù Thị	Dở	15/10/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	7.50
11	SH811	Lý Thị	Dua	11/11/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	5.75
12	SH812	Tráng Thị	Dung	27/04/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	8.75
13	SH813	Chảo Tiến	Dững	07/11/2011	PTDTBT TH&THCS A Lù	17.50
14	SH814	Vàng Thị	Hà	14/10/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	3.25
15	SH815	Ngô Thị	Hân	09/11/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	17.25
16	SH816	Sùng Thị Thu	Huyền	20/04/2011	PTDTBT TH&THCS Trung Lèng Hồ	3.75
17	SH817	Vàng Thị	Khương	06/12/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	9.25
18	SH818	Sùng Thị Các	Lia	07/05/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	5.00
19	SH819	Tần Kiều	Linh	17/02/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.50
20	SH820	Phạm Quốc	Long	04/02/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	13.50
21	SH821	Tần Thùy	Mai	04/07/2011	PTDTBT THCS Phìn Ngan	10.00
22	SH822	Chảo Tả	Mẫy	21/07/2011	TH&THCS Tả Ngảo	7.50
23	SH823	Lò Lở	Mẫy	24/8/2011	PTDTBTTH&THCS Tòng Sành	Bỏ thi
24	SH824	Chảo Khé	Mẫy	28/06/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	13.75
25	SH825	Vàng Yên	Nhi	29/02/2012	THCS&THPT huyện Bát Xát	6.25
26	SH826	Trần Thị Hà	Nhi	04/12/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	5.25
27	SH827	Hầu Thị	Nhớ	21/08/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	4.00
28	SH828	Giàng Thị	Phua	15/01/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mý	6.75

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
29	SH829	Sùng Thị	Phương	01/03/2011	PTDTBT THCS Dền Thành	9.00
30	SH830	Nông Tuệ	Sang	11/02/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	16.75
31	SH831	Gì Thị	Sinh	08/01/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỹ	4.25
32	SH832	Lý Thị	Súng	17/04/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	11.50
33	SH833	Phản Minh	Thư	16/05/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.75
34	SH834	Chảo A	Tình	03/03/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	3.50
35	SH835	Lý Thị	Trang	18/06/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	2.25
36	SH836	Giàng Thị	Tre	20/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.75
37	SH837	Lê Ngọc	Trình	03/04/2012	THCS Thị trấn Bát Xát	15.00
38	SH838	Sùng Thị	Trử	28/01/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.25
39	SH839	Sào Ái	Vân	03/05/2011	PTDTBT TH&THCS A Lù	15.50
40	SH840	Tần Thị Thanh	Vân	27/11/2011	PTDTBT TH&THCS A Lù	16.00
41	SH841	Hoàng Nguyên	Vũ	29/04/2011	THCS Bản Vược	7.50
42	SH842	Chu Gió	Xe	05/10/2011	PTDTBT THCS Y Tý	10.00
43	SH843	Sùng Thị	Yến	24/10/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	4.25
XIV	Lịch sử và Địa lí 1 (Lịch sử 8)					
1	LS801	Lý Ngọc	Ánh	02/09/2011	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	10.75
2	LS802	Ly Mờ	Be	11/09/2011	PTDTBT THCS Y Tý	5.25
3	LS803	Sò Xá	Be	02/04/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.25
4	LS804	Lý Thị	Dú	01/03/2011	TH&THCS Bản Xèo	5.00
5	LS805	Hoàng Thuỳ	Giang	30/09/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6.25

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
6	LS806	Chu Giờ	Gụ	19/07/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.25
7	LS807	Phạm Hồng	Hà	15/02/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.00
8	LS808	Thào Thị	Hà	05/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.00
9	LS809	Phàn Duyên	Hải	04/04/2011	PTDTBT THCS Phìn Ngan	14.00
10	LS810	Vàng Thủy	Hoa	02/10/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	4.00
11	LS811	Lý Thị	Hồng	05/07/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.75
12	LS812	Thào Thị	Huốc	17/09/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	4.50
13	LS813	Lý Thị	Hương	18/03/2011	PTDTBT TH&THCS Tòng Sành	12.00
14	LS814	Hồ Quỳnh	Hương	14/11/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	3.75
15	LS815	Giàng Thị	Huyền	25/09/2011	TH&THCS Bản Qua	12.00
16	LS816	Lý Thị	Khoa	14/11/2011	PTDTBT THCS Y Tý	5.50
17	LS817	Di Thị Thúy	Kiều	21/10/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.00
18	LS818	Hoàng Thị Ngọc	Lan	20/07/2011	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	4.50
19	LS819	Sùng Thị	Liên	05/04/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	3.50
20	LS820	Tần Mỷ	Linh	27/11/2011	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	5.75
21	LS821	Sùng Thị	Mai	10/06/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	4.00
22	LS822	Tần Tả	Mỷ	26/03/2011	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	3.00
23	LS823	Nguyễn Anh	Minh	23/05/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.50
24	LS824	Lý Trà	My	30/03/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	5.50
25	LS825	Sùng Thị	Mỷ	05/07/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	3.50

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
26	LS826	Vàng Thị	Nga	02/10/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	6.00
27	LS827	Trần Hà Bảo	Ngân	15/03/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.50
28	LS828	Đinh Thị Kiều	Nhi	29/04/2011	THCS Quang Kim	5.50
29	LS829	Vương Thị Quỳnh	Như	13/09/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	5.50
30	LS830	Nguyễn Uyên	Như	15/06/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	7.50
31	LS831	Trịnh Quỳnh	Như	23/12/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	15.50
32	LS832	Giàng Thị	Nhung	13/10/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	5.00
33	LS833	Tần Mỷ	Phương	27/10/2011	PTDTBT THCS Phìn Ngan	9.75
34	LS834	Vùi Thị	Phương	08/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.75
35	LS835	Lò Vương Lệ	Quyên	20/06/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6.00
36	LS836	Sùng Thị	Sầu	03/05/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	5.25
37	LS837	Hầu Thị	Sinh	01/02/2011	TH&THCS Bản Xèo	7.00
38	LS838	Lý Mờ	So	05/01/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.25
39	LS839	Chảo Đức	Thắng	16/02/2011	PTDTBT TH&THCS Tòng Sành	13.50
40	LS840	Lý Thanh	Thảo	27/05/2011	TH&THCS Bản Qua	9.50
41	LS841	Liềng Thị Kim	Thoa	03/11/2011	THCS Quang Kim	6.75
42	LS842	Giàng Thị	Thúy	01/08/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	10.00
43	LS843	Nguyễn Kiều	Trang	13/02/2011	THCS Bản Vược	8.00
44	LS844	Trần Thị Huyền	Trang	14/08/2011	THCS Bản Vược	9.00
45	LS845	Tần Quỳnh	Trang	21/10/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	3.25
46	LS846	Lù Thị	Trương	22/01/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	3.75

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
47	LS847	Vàng Thị Thúy	Vân	10/01/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	2.75
48	LS848	Vũ Lý Thảo	Vy	26/10/2011	THCS Bản Vược	8.00
49	LS849	Lý Thị Ngọc	Vy	05/02/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.50
50	LS850	Trang Gió	Xơ	13/12/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.50
51	LS851	Liều Thị	Xuân	07/01/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.00
XV	Lịch sử và Địa lí 2 (Địa lí 8)					
1	ĐL801	Trần Ngọc	Bích	06/06/2011	THCS Quang Kim	7.50
2	ĐL802	Phà Giá	Bia	22/04/2011	PTDTBT THCS Y Tý	9.75
3	ĐL803	Lương Thành	Dương	28/11/2011	TH&THCS Bản Qua	10.00
4	ĐL804	Lý Thu	Duyên	03/04/2011	TH&THCS Bản Qua	9.50
5	ĐL805	Sùng Thị	Duyệt	07/03/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	11.50
6	ĐL806	Hoàng Thị Trà	Giang	25/07/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	12.00
7	ĐL807	Lý Sá	Gơ	26/04/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Pung	4.00
8	ĐL808	Tần Nguyễn Hoàng	Hải	10/09/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	11.75
9	ĐL809	Lò Thị	Hiền	30/05/2010	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.75
10	ĐL810	Thào Thị	Huốc	27/10/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	9.50
11	ĐL811	Lý Thu	Hương	23/07/2011	TH&THCS Bản Xèo	7.00
12	ĐL812	Sùng Mai	Hương	27/03/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	13.25
13	ĐL813	Lý Mùi	Khé	25/03/2011	PTDTBT THCS Phìn Ngan	8.00
14	ĐL814	Trần Ngọc	Lan	09/10/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	7.00
15	ĐL815	Giàng Thị	Lia	20/06/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	7.00
16	ĐL816	Sùng Thị	Liên	05/01/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	11.00

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
17	ĐL817	Tần Khánh	Linh	10/03/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	11.25
18	ĐL818	Phan Hải	Linh	26/06/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	12.25
19	ĐL819	Trần Thanh	Mai	28/10/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	10.50
20	ĐL820	Tần Tả	Mẫy	24/10/2011	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	7.00
21	ĐL821	Tần Tả	Mẫy	25/10/2011	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	9.75
22	ĐL822	Tần Tả	Mẫy	27/11/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Pung	6.50
23	ĐL823	Sò Có	Mờ	06/08/2011	PTDTBT THCS Y Tý	10.50
24	ĐL824	Mông Yển	Như	15/10/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	12.75
25	ĐL825	Sùng Thị	Nhung	27/10/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	13.50
26	ĐL826	Chu Giờ	Phia	27/11/2011	PTDTBT THCS Y Tý	9.00
27	ĐL827	Vàng Đức	Quang	09/10/2011	PTDTBT THCS Phìn Ngan	5.50
28	ĐL828	Hạng A	Sì	07/04/2011	THCS Sàng Ma Sáo	7.50
29	ĐL829	Thào Thị	Sinh	15/03/2011	THCS Sàng Ma Sáo	8.50
30	ĐL830	Lò Thanh	Thúy	18/06/2011	TH&THCS Bản Xèo	6.50
31	ĐL831	Tần Thùy	Trang	12/09/2011	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	9.00
32	ĐL832	Tần Kim	Vân	25/05/2011	PTDTBT THCS Phìn Ngan	9.50
33	ĐL833	Trần Thị Thu	Vi	27/07/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	9.75
34	ĐL834	Hù Thị Hạ	Vi	12/01/2011	THCS Quang Kim	8.50
35	ĐL835	Sùng Thị	Xua	16/06/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	13.25
36	ĐL836	Phản Thị Thu	Xuyến	16/11/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	4.50
XVI	Tin học 8					
1	TH801	Vũ Bảo	An	10/01/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	3.00

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
2	TH802	Hoàng Trung	Bảo	16/09/2011	THCS Bản Vược	7.00
3	TH803	Lương Gia	Bảo	06/11/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	4.00
4	TH804	Sùng A	Chá	25/03/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	3.50
5	TH805	Hạng Thị	Cở	21/04/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	11.50
6	TH806	Phạm Huy	Cường	05/02/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	3.00
7	TH807	Sùng A	Dế	20/07/2011	PTDTBT THCS Pa Cheo	12.00
8	TH808	Đinh Trần Thùy	Dương	12/06/2011	THCS Bản Vược	2.00
9	TH809	Chảo Văn	Dương	14/06/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	12.00
10	TH810	Đỗ Khánh	Huyền	24/10/2013	PTDTBT THCS Y Tý	3.50
11	TH811	Chảo Minh	Lan	20/06/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	3.00
12	TH812	Tần San	Mây	13/03/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	8.00
13	TH813	Phàng A	Nhân	05/02/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	6.50
14	TH814	Trần Hữu	Phước	29/01/2013	THCS Thị trấn Bát Xát	11.00
15	TH815	Trần Thu	Thủy	04/08/2011	THCS Quang Kim	11.00
16	TH816	Hạng A	Tinh	23/09/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	10.50
17	TH817	Nguyễn Khánh	Toàn	18/10/2011	THCS Quang Kim	11.50
18	TH818	Hầu Thị	Vàng	27/01/2011	PTDTBT THCS Y Tý	9.00
XVII	Giáo dục công dân 8					
1	GD CD801	Cao Thị Phương	Anh	29/06/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.25
2	GD CD802	Giàng A	Bác	23/08/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	5.50
3	GD CD803	Phàn Có	Be	20/01/2011	PTDTBT TH&THCS A Lù	6.75
4	GD CD804	Ly Xe	Bớ	19/03/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	9.75
5	GD CD805	Sùng Thị	Dợ	09/02/2011	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	5.75

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
6	GDCD806	Vàng Thị	Dừa	29/04/2012	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	4.75
7	GDCD807	Phàng Thị	Dung	19/03/2011	PTDTBT THCS Dền Thàng	7.25
8	GDCD808	Trần Hương	Giang	01/06/2011	THCS Bản Vược	8.25
9	GDCD809	Lý Suy	Gơ	16/08/2011	PTDTBT TH&THCS A Lù	8.00
10	GDCD810	Lò Thanh	Hà	17/06/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	9.25
11	GDCD811	Lý Thị	Hằng	03/10/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	7.25
12	GDCD812	Ly Thị Mai	Hiền	25/07/2011	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	7.75
13	GDCD813	Chảo Thu	Hiền	11/01/2012	PTDTBT TH&THCS Tòng Sành	9.50
14	GDCD814	Vàng Thị Kim	Hoa	30/03/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	12.50
15	GDCD815	Đỗ Thanh	Huyền	23/12/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.50
16	GDCD816	Tần Lệ	Huyền	01/10/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	16.00
17	GDCD817	Vừ Thị	Ké	13/06/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	4.75
18	GDCD818	Phạm Nhã	Kỳ	11/11/2011	THCS&THPT huyện Bát Xát	11.75
19	GDCD819	Tần Thị	Linh	09/04/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	9.25
20	GDCD820	Sùng Thị	Mẫy	05/05/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	5.00
21	GDCD821	Ly Sự	Mé	18/12/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	6.50
22	GDCD822	Ngô Huyền	Minh	03/10/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	14.50
23	GDCD823	Phạm Trà	My	28/01/2011	THCS Quang Kim	13.50
24	GDCD824	Tần Nguyệt	Nga	22/03/2011	PTDTBT TH&THCS A Mú Sung	8.75
25	GDCD825	Lý Yên	Nhi	18/12/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	9.75
26	GDCD826	Sào Mờ	Phe	04/02/2011	PTDTBT TH&THCS A Lù	7.00

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
27	GD CD827	Chảo Cói	Phương	12/01/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.75
28	GD CD828	Thào Thị Minh	Phượng	12/09/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	7.50
29	GD CD829	Giàng Thị	Quý	12/09/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	9.00
30	GD CD830	Ngô Vũ Xuân	Quỳnh	10/07/2011	THCS Bản Vược	7.75
31	GD CD831	Vàng Thị	Quỳnh	25/02/2011	THCS Quang Kim	12.50
32	GD CD832	Liều Thị	Sênh	14/05/2011	PTDTBT TH&THCS Trung Lềng Hồ	8.00
33	GD CD833	Sùng Thị	Si	03/11/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	9.25
34	GD CD834	Sùng A	Sinh	03/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	12.00
35	GD CD835	Sùng Thị	Sự	23/06/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	9.25
36	GD CD836	Thào Thị	Súng	14/04/2011	PTDTBT TH&THCS Ngải Thầu	7.75
37	GD CD837	Nguyễn Mai Thanh	Thảo	19/01/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	15.50
38	GD CD838	Lý Thanh	Thảo	09/05/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	11.75
39	GD CD839	Lương Văn	Thiện	18/04/2011	TH&THCS Bản Qua	10.00
40	GD CD840	Lò Anh	Thư	03/02/2011	THCS Bản Vược	10.25
41	GD CD841	Lò Thị	Trang	04/01/2011	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỳ	8.25
42	GD CD842	Hoàng Ngọc	Trọng	22/09/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	5.75
43	GD CD843	Giàng Thị	Trừ	24/12/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	Bỏ thi
44	GD CD844	Phàn Thuý	Vân	25/07/2012	PTDTBT THCS Trịnh Tường	12.75
45	GD CD845	Lý Thị	Vinh	07/08/2011	PTDTBT TH&THCS Tòng Sành	8.25
46	GD CD846	Phạm Hà	Vy	22/09/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	9.50
47	GD CD847	Chảo Mẫy	Vy	03/11/2012	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	7.75
48	GD CD848	Phu Xá	Xơ	26/06/2011	PTDTBT THCS Y Tý	7.00
49	GD CD849	Có Giờ	Xớ	26/08/2011	PTDTBT THCS Y Tý	6.25

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
XVIII	Tiếng Anh 8					
1	TA801	Nguyễn Thiên Linh	An	24/07/2011	PTDTBT THCS Trịnh Tường	13.90
2	TA802	Vũ Hoàng	Anh	27/09/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	17.50
3	TA803	Giảng Thị Mai	Anh	18/07/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	10.40
4	TA804	Vàng Gia	Bảo	13/07/2011	TH&THCS Bản Xèo	10.50
5	TA805	Tần Thị	Hạch	29/08/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	4.40
6	TA806	Hạng Thị	Hoa	04/8/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	8.15
7	TA807	Trần Gia	Huy	01/04/2011	THCS Quang Kim	11.85
8	TA808	Phàn Khánh	Luân	19/09/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.75
9	TA809	Nguyễn Trần Minh	Ngọc	11/12/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	10.70
10	TA810	Nguyễn Hà	Phương	15/03/2011	THCS Quang Kim	9.65
11	TA811	Trần Ngọc Minh	Quân	02/07/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	13.70
12	TA812	Lục Phương	Thảo	25/07/2011	TH&THCS Bản Xèo	11.45
13	TA813	Lý Thị	Thúy	03/10/2011	PTDTBT THCS Sàng Ma Sáo	15.10
14	TA814	Lầu Thị	Thúy	25/08/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Chạc	12.30
15	TA815	Đỗ Bảo	Trâm	09/01/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	16.70
16	TA816	Tần Quỳnh	Trang	17/10/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Pung	8.25
17	TA817	Lý Quang	Vinh	05/06/2011	PTDTNT THCS&THPT huyện Bát Xát	8.25
15	TA818	Tần Kim	Phượng	17/10/2011	PTDTBT TH&THCS Nậm Pung	4.80
XIX	Tiếng Trung Quốc 8					
1	TQ801	Nguyễn Tú	Anh	22/06/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	6.70
2	TQ802	Bùi Ngọc Bảo	Chi	21/05/2011	THCS Bản Vược	16.50

TT	Số BD	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm
3	TQ803	Ngô Thùy	Chi	08/12/2011	THCS Bản Vược	10.00
4	TQ804	Liềng Thị Ngọc	Diệp	21/04/2011	THCS Quang Kim	14.75
5	TQ805	Lý Thái	Dương	01/10/2011	PTDTBT THCS Tịnh Tường	7.35
6	TQ806	Phan Thanh	Liều	22/06/2011	THCS Quang Kim	14.75
7	TQ807	Chảo Thuỳ	Linh	10/02/2011	PTDTBT THCS Tịnh Tường	12.95
8	TQ808	Tẩn Thị Nguyệt	Mai	13/02/2011	PTDTBT THCS Tịnh Tường	12.75
9	TQ809	Nguyễn Yén	Nhi	18/07/2011	THCS Bản Vược	14.55
10	TQ810	Chảo Thị	Thu	11/11/2011	PTDTBT THCS Tịnh Tường	15.00
11	TQ811	Trần Hồng	Thủy	10/09/2011	THCS Thị trấn Bát Xát	13.00
12	TQ812	Trần Lê Hà	Vy	03/05/2011	THCS Quang Kim	18.00